

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CTY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LƯƠNG TÀI – LUTACO (LUT)

Năm báo cáo: 2010

I. THÔNG ĐIỆP NĂM 2011 CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

(Ông Bùi Đình Hưng – Chủ tịch HĐQT công ty)

Một năm 2010 với nhiều biến động và sự kiện đáng nhớ lại trôi qua. Năm 2010 cũng là năm bắt đầu của quá trình phục hồi sau khủng hoảng của kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng.

Với tỉ lệ tăng trưởng GDP năm 2010 là 6.78%, Việt Nam đã vượt kế hoạch đặt ra cho năm 2010 là 6.5%. Đây là dấu hiệu đáng mừng cho Việt Nam, tuy nhiên những khó khăn và thách thức cho giai đoạn 2011 vẫn còn phía trước.

Thị trường tài chính, tiền tệ Việt Nam liên tục chứng kiến những “con sóng lãi suất” và đi kèm là việc ban hành hàng loạt những công cụ quản lý tài chính, tiền tệ của chính phủ, làm cho việc tiếp cận nguồn vốn phục vụ nhu cầu SXKD của doanh nghiệp là cực kỳ khó khăn. Giá cả vật tư, vật liệu xây dựng, đặc biệt là giá nhiên liệu tăng đột biến, thị trường bất động sản hoạt động không ổn định cũng đã ảnh hưởng rất nhiều tới sự phát triển của công ty.

Trước những khó khăn, thách thức như thế nhưng tập thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Lương Tài, bằng chính sự nỗ lực, sáng tạo, đầy trách nhiệm và hết lòng với công việc, cố gắng vượt qua mọi khó khăn, đã và đang phát triển mạnh mẽ về mọi mặt trên con đường trở thành một công ty uy tín và vững mạnh – hoạt động và kinh doanh chủ lực trong lĩnh vực Đầu tư – Xây dựng và Thi công các cơ sở hạ tầng, công trình giao thông; được khách hàng và các đối tác tín nhiệm, xã hội thừa nhận.

Trong những năm vừa qua LUTACO đã từng bước khẳng định thương hiệu uy tín chất lượng trên toàn thị trường Việt Nam. Với hệ thống quản lý theo quy trình quản lý chất lượng ISO đã nâng cao tính chuyên nghiệp hoá và tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, đây cũng chính là động lực để LUTACO tham gia và khẳng định vị thế của mình trên thị trường khu vực.

Trên tin thần đó và với mục tiêu đề ra trong năm 2011, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Lương Tài sẽ tập trung đẩy mạnh công tác triển khai những dự án hiện tại và phát triển dự án mới, kết hợp khai thác hiệu quả hơn nguồn lực sẵn có; đồng thời rà soát, lập kế hoạch triển khai tốt hơn nữa, hiệu quả hơn nữa các dự án, công trình đang thực hiện của các đơn vị. Công ty tăng cường chỉ đạo, điều hành, đảm bảo tiến độ, chất lượng từng dự án, công trình, tập trung đối với các dự án, các công trình trọng điểm trong kế hoạch phát triển, các công trình, dự án lớn mang tính quyết định đến doanh thu, sản lượng của công ty, đồng thời tăng cường và củng cố lĩnh vực truyền thống và là thế mạnh của Công ty là xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, trong thời gian qua đã có những phát triển vượt bậc về cả chiều rộng và chiều sâu, chúng tôi đã và đang làm hài lòng các đối tác, nhà thầu chính và Chủ đầu tư của những dự án lớn như: Đường cao tốc Cầu Giẽ – Ninh Bình, Nội Bài – Lào Cai, Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, Đường vào cảng Cái Mép – Thị Vải, đường vành đai ngoài Bình Lợi – Tân Sơn Nhất....

Bước sang năm 2011, nhận thức tình hình kinh tế trong nước và quốc tế diễn biến còn nhiều khó khăn, công ty vẫn quyết tâm đạt mục tiêu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Công ty sẽ tiếp tục cân đối các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tài

chính, đổi mới các phương thức thực hiện nhằm tối ưu hóa các nguồn vốn của Công ty, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng chuyên môn hóa ở hai lĩnh vực kinh doanh chính là Xây dựng phát triển hạ tầng và Đầu tư kinh doanh bất động sản, tái cấu trúc các danh mục đầu tư, hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp phù hợp với tình hình mới, tiến tới đưa Công ty trở thành một tập đoàn Xây dựng và kinh doanh bất động sản có uy tín trong khu vực vào năm 2015. HĐQT công ty xác định mục tiêu dài hạn nâng cao thương hiệu, chiếm lĩnh thị trường xây dựng công trình Giao thông trong nước và từng bước mở rộng thị trường nước ngoài. Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự nỗ lực hết mình của Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đồng thời với sự hỗ trợ và hợp tác của các đối tác chiến lược, của các cổ đông, với cơ cấu dịch vụ ngày càng đa dạng LUTACO sẽ tiếp tục khẳng định được vị thế của mình trên thị trường Việt Nam và khu vực. Đồng thời, đóng góp nhiều hơn nữa vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới sự tin tưởng của các Quý cổ đông, sự năng động, sáng tạo của Ban Điều hành và đặc biệt là sự tận tâm, năng nổ của tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã đoàn kết, nhất trí để đưa LUTACO tiến lên một tầm cao mới.

Chủ tịch HĐQT

II. TÓM LƯỢC LỊCH SỬ, HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN

1. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Lương Tài (LUTACO) tiền thân là Đội thi công cơ giới và duy tu đường bộ được thành lập vào ngày 26/03/1987, thuộc “Liên hiệp Xí nghiệp Giao thông 7”, nay là Tổng Công ty quản lý đường bộ 7.
- Tháng 10/1997 đội là thành viên của Công ty thi công cơ giới với vai trò nòng cốt.
- Tháng 2/2003, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Lương Tài được thành lập dựa trên nền tảng cơ sở vật chất và nhân lực của Đội thi công cơ giới và duy tu đường bộ.
- Ngày 04/01/2008 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Lương Tài đã chính thức niêm yết và giao dịch trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu LUT.
- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Lương Tài là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 – Bộ Giao thông vận tải, với chức năng hoạt động đa ngành với doanh thu hàng trăm tỷ đồng mỗi năm.

2. Thông tin về công ty

Tên công ty: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Lương Tài, Tên viết tắt : LUTACO

Trụ sở chính: 76 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 39104243 – (84.8) 39104873

Fax : (84.8) 39104243

Email: info@luongtaigroup.com

Website : www.luongtaigroup.com/www.LUTACO.com

Vốn điều lệ : **55.500.000.000 đồng**

Mã cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HASTC): **LUT**

3. Quá trình thay đổi vốn điều lệ

Quá trình tăng vốn điều lệ của công ty đã trải qua những giai đoạn sau:

STT	THỜI GIAN	VỐN ĐIỀU LỆ	NỘI DUNG THAY ĐỔI
-----	-----------	-------------	-------------------

Lần 1	27/02/2003	10.000.000.000	Vốn điều lệ ban đầu
Lần 2	03/06/2005	30.000.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ
Lần 3	19/07/2007	55.500.000.000	Điều chỉnh tăng vốn điều lệ
Lần 4	22/02/2011	150.000.000.000	Thông báo Phát hành CP tăng vốn điều lệ

4. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng các công trình giao thông thủy lợi, thủy điện;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh, xây dựng hạ tầng khu công nghiệp;
- Trang trí nội thất;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Cho thuê nhà ở, văn phòng;
- Đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch;
- Xây dựng nhà ở để chuyên quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh nhà hàng khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế kiến trúc công trình xây dựng và công nghiệp;
- Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đường);
- Thiết kế công trình giao thông (cầu, đường);
- Quản lý dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);
- Cho thuê máy móc thiết bị thi công;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu.

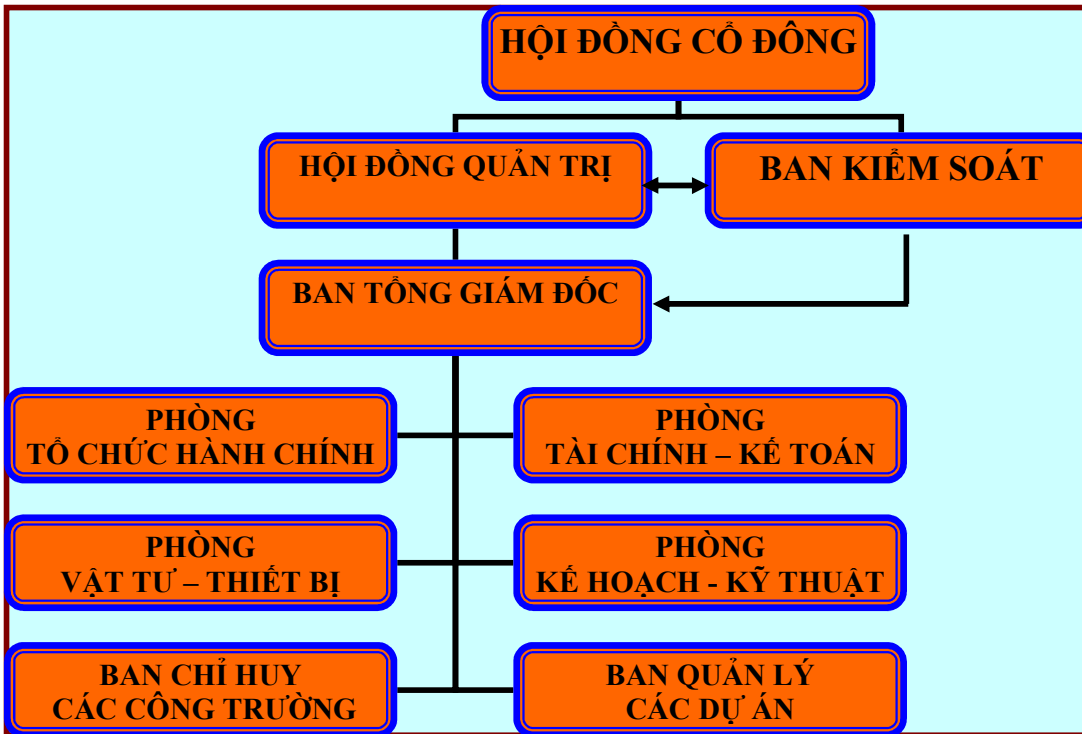
5. Một số công trình đang thi công

- Dự án Đường cao tốc Cầu Giẽ Ninh Bình.
- Dự án Đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai.
- Dự án nâng cấp tỉnh lộ 280 ở Bắc Ninh.
- Dự án đường nối từ Quốc lộ 51 đến Cảng Quốc tế Cái Mép.
- Dự án Đường cao tốc HCM – Long Thành – Dầu Giây
- Dự án đường vành đai ngoài Bình Lợi – Tân Sơn Nhất
- ...

6. Các dự án tham gia đầu tư

STT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	QUI MÔ
1	LUTACO Tower	173A Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM	451m ²
2	Khu du lịch Lộc An Xanh	Xã Lộc An, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	24.7 ha
3	Khu đô thị Kim Dinh	Phường Kim Dinh, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	79 ha

7. Sơ đồ tổ chức



III. BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những thách thức của kinh tế Việt Nam năm 2011 và cơ hội cho doanh nghiệp

Năm 2011 dự kiến sẽ tiếp tục là giai đoạn phục hồi ở những nền kinh tế thế giới. Trong đó có Việt Nam. Việt Nam năm 2011 vẫn tiếp tục được đánh giá là thị trường đầu tư hấp dẫn và các đối tác lớn có kế hoạch mở rộng kinh doanh trong thời gian tới đây.

Tuy nhiên thách thức trước mắt về tỉ lệ lạm phát, sự tăng cao về giá cả, biến động về tỉ giá, và các nhân tố khác sẽ làm ảnh hưởng rất nhiều tới việc kiểm soát chi phí và ngân sách đầu vào của các doanh nghiệp.

Với quyết tâm đặt chữ “tín” lên hàng đầu, tạo dựng uy tín với các đối tác các nhà cung cấp vật tư, ngoài ra công ty cũng tiếp tục nhận được hỗ trợ tích cực từ các ngân hàng thương mại đặc biệt là Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – CN Nam Sài Gòn, chính các yếu tố này đã góp phần rất lớn cho công ty trong việc tận dụng được hầu hết các cơ hội kinh doanh giúp cho Công ty trở thành một trong số rất ít doanh nghiệp xây dựng cơ bản vượt qua được giai đoạn khó khăn, từng bước phục hồi nhanh chóng và có được lợi nhuận khả quan năm 2010.

Có được sự đoàn kết nhất trí cao trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và sự nỗ lực gắng bó của tập thể người lao động đã tạo ra sự gắn kết tạo thành một tập thể mạnh. Đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên đã làm việc không biết mệt mỏi để không những đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh tốt mà còn tranh thủ được cơ hội, tạo lợi thế cho Công ty, tăng tính ổn định và bền vững cho Công ty. Thêm vào đó Công ty còn nhận được sự hỗ trợ, phối hợp và đồng viên kịp thời của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 6 và một số cơ quan có liên quan. Hơn thế nữa, cổ phiếu LUT của Công ty Lương Tài cũng đang ngày càng tạo sự quan tâm và tin tưởng hơn từ phía các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Những nét nổi bật trong kết quả hoạt động 2010

2.1. Doanh thu và lợi nhuận

Với những cố gắng vượt bậc của tập thể cán bộ nhân viên, và với sự điều hành sáng suốt của lãnh đạo, công ty đã đạt mức doanh thu hơn 133 tỷ VNĐ, LUTACO đã hoàn thành vượt 1,12 lần kế hoạch năm 2010 đã đề ra là 120 tỷ VNĐ, đạt mức tăng trưởng hơn 135% so với năm 2009. Điểm nổi bật nhất trong kết quả kinh doanh 2010 là lợi nhuận ròng tăng trưởng 146% so với năm 2009, từ 6.6 tỷ đồng năm 2009 lên gần 10 tỷ đồng năm 2010. Đây thực sự là mức tăng trưởng ngoạn mục và hết sức ấn tượng trong bối cảnh nền kinh tế chung tăng trưởng chậm của năm 2010.

Các kết quả tài chính chủ yếu năm 2010

Biết khai thác những thuận lợi, cố gắng phấn đấu khắc phục khó khăn, năm 2010 quy mô hoạt động của Công ty được mở rộng, uy tín của công ty trong các đơn vị kinh doanh cùng ngành được nâng cao và là một trong rất ít đơn vị trong Tổng công ty đạt lợi nhuận khả quan :

Khoản mục	ĐVT	2007	2008	2009	2010	2010/2009
Doanh thu thuần	Tr. Đồng	46.557	97.569	98.678	133.095	135%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	4.842	5.416	6.597	9.659	146%
Thu nhập/cổ phần	Đồng	1.258	976	1.197	1.753	146%

2.2. Thực hiện nghĩa vụ Ngân sách Nhà nước

Trong năm 2010, tiếp tục thực hiện chính sách giãn thời gian nộp thuế TNDN, LUTACO đã nộp vào Ngân sách Nhà nước gần 2 tỷ đồng. Số thuế TNDN năm 2010 là hơn 3,2 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 đảm bảo chi trả cổ tức và trích lập các quỹ theo quy định.

2.3. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2010

Tại Đại hội cổ đông bất thường lần 1 – 2011 đã thống nhất thông qua phương án phân chia cổ tức 95% lợi nhuận sau thuế tương đương là 1.650 đồng/CP (16.5%) của riêng năm 2010. Phần còn lại 05% lợi nhuận sau thuế công ty dự kiến sẽ phân bổ vào các quỹ, trong đó quỹ đầu tư phát triển 50%, quỹ dự phòng tài chính 25% và quỹ khen thưởng phúc lợi 25%.

Như vậy tính cả năm 2009 và năm 2010 thì mức chia cổ tức sắp tới là khoảng 21%, đây là tỉ lệ chia cổ tức cao so với tỉ lệ bình quân ngành. Hiện tại công ty đang tiến hành các thủ tục chia cổ tức lần 2 – 2009 là 4.5% và tạm ứng lần 1 – 2010 là 16.5%. Dự kiến thời gian thực hiện chia cổ tức là khoảng cuối quý II/2011.

2.4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2010 của HĐQT :

Trong năm 2010 HĐQT và Ban kiểm soát công ty đã tiến hành tổ chức các cuộc họp thường kỳ để đánh giá tình hình kinh tế chung của cả nước và đưa ra những quyết định kịp thời phù hợp với từng thời điểm, HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình theo điều 25 điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, những công việc chủ yếu thực hiện:

- Triển khai việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên đến ban điều hành và các bộ phận Công ty.

- Chỉ đạo giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ: nhìn chung trong năm 2010 đa số các cán bộ quản lý điều hành công ty thực hiện nhiệm vụ một cách năng động sáng tạo, dám nghĩ dám làm và dám chịu trách nhiệm. Công tác quản lý điều hành tốt thực hiện vượt kế hoạch mục tiêu đề ra của năm 2010.

- Trực tiếp khảo sát thực tế và đưa ra những nhận định, quyết định những vấn đề liên quan đến việc thành lập và tham gia các hoạt động đầu tư của công ty.

- Cùng với các kiểm toán viên của đơn vị kiểm toán độc lập xem xét tính hợp lý, hợp lệ và các vấn đề khác của báo cáo tài chính năm 2010, các báo cáo công bố đã được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Những thay đổi chủ yếu trong năm 2010:

Trong năm 2010, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Lương Tài đã triển khai thực thi các công việc đã được Đại hội cổ đông thông qua trong nghị quyết của Đại hội cổ đông 2010 & 2011:

- Với sự hỗ trợ và tư vấn từ phía Công ty chứng khoán ngân hàng Đông Á, Công ty Lương Tài đã và đang tiến hành các thủ tục tăng vốn từ 55.5 tỷ lên 150 tỷ. Hiện tại các thủ tục pháp lý đã xong, đã chốt ngày đăng ký quyền mua và ngày nộp tiền cuối cùng. Dự kiến sẽ kết thúc đợt phát hành tăng vốn lên 150 tỷ trong tháng 06 năm 2011.

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng Trạm trộn bê tông nhựa nóng công suất 160 tấn/giờ, vốn đầu tư hơn 22 tỷ đồng, đặt tại công trình Cầu Giẽ - Ninh Bình. Việc lắp đặt và vận hành thành công trạm bê tông nhựa nóng có ý nghĩa to lớn với công ty trong việc kiểm soát và ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ cho công tác thảm nhựa đường.

- Trúng thầu dự án đường vành đai Bình Lợi – Tân Sơn Nhất, Tp HCM

- Trúng thầu thi công Gói thầu số 2 thuộc dự án xây dựng Đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai phân đoạn Km245+200-Km246+500.

- Trúng thầu thi công Gói thầu số A1 thuộc dự án xây dựng Đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai phân đoạn Km23+900-Km26+700. Tiếp tục mở rộng và triển khai các hoạt động xây lắp cũng như quản lý các dự án đầu tư ở miền Bắc, cũng như tiếp tục tham gia các gói thầu thuộc dự án Tuyến metro số 2, đường cao tốc Mỹ Thuận – Cần Thơ, đường cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu, các dự án nâng cấp và cải tạo giao thông thành phố HCM giai đoạn 2010-2015.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán và bất động sản có nhiều biến động. Hội đồng quản trị đã có những quyết định sàng lọc và sắp xếp lại danh mục và các dự án đầu tư, cụ thể như sau:

- Tiếp tục đẩy nhanh Dự án khu du lịch Lộc An Xanh trên diện tích 24,7 ha tại xã Lộc An, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư và đang triển khai việc đền bù giải tỏa, dự kiến khởi công vào Quý III-2011.

- Dự án khu đô thị mới Kim Dinh tại Thị xã Bà Rịa – Vũng Tàu trên diện tích 79 ha đang được xét duyệt cấp Giấy phép đầu tư, hiện đang trong giai đoạn kiểm đếm và triển khai thủ tục chuẩn bị đền bù giải tỏa.

- Dự án cao ốc văn phòng LUTACO Tower 173A Nguyễn Văn Trỗi đã hoàn thành 95% khối lượng, đang trong giai đoạn hoàn thiện, dự kiến hoàn thành công trình đưa vào khai thác và sử dụng vào đầu quý II-2011.

- Tiếp tục ứng dụng và triển khai hệ thống quản lý ISO phiên bản 9001:2008, tạo ra công cụ quản lý mạnh hơn hiệu quả hơn trong việc quản trị công ty, nhằm giảm thiểu các sai sót trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động, kiểm soát chặt chẽ hơn về các vấn đề an toàn, vệ sinh, môi trường.

3. Định hướng trọng tâm năm 2011, triển vọng và kế hoạch phát triển trong tương lai:

Năm 2011 là năm LUTACO tiếp tục củng cố nền tảng cho giai đoạn phát triển nhanh, bền vững và vươn ra thị trường quốc tế, tạo tiền đề cho việc thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển tới năm 2015. Tuy nhiên, năm 2011 cũng là năm kinh tế thế giới và Việt Nam được dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn, đặc biệt với Việt Nam những diễn biến phức tạp của lạm phát và giá cả tăng cao trong năm 2010 tiếp tục trở thành mối lo ngại ngay từ những tháng đầu năm 2011. Và mục tiêu kiềm chế lạm phát năm 2011 đang là vấn đề hàng đầu được chính phủ hết sức quan tâm. Chính phủ

trong thời gian qua bằng nhiều động thái trong việc áp dụng các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ,... đang thể hiện quyết tâm kiềm chế lạm phát của mình. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất tập trung chỉ đạo, đề ra những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2011 để tiếp tục tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh, đồng thời góp phần thực hiện phát triển kinh tế đất nước.

3.1 Đối với lĩnh vực xây lắp :

Năm 2011, Chính phủ có chủ trương giảm đầu tư công, kiềm chế lạm phát, và hạn chế tăng trưởng tín dụng. Do đó, công ty Lương Tài chủ trương tập trung triển khai thi công các công trình, dự án trọng điểm được chính phủ quan tâm, có nguồn vốn ổn định và phải hoàn thành đúng tiến độ trong năm 2011. Một vài dự án lớn như :

- Dự án Đường cao tốc Cầu Giẽ Ninh Bình ;
- Dự án Đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai ;
- Dự án nâng cấp tỉnh lộ 280 ở Bắc Ninh ;
- Dự án đường nối từ Quốc lộ 51 đến Cảng Quốc tế Cái Mép ;
- Dự án Đường cao tốc HCM – Long Thành – Dầu Giây ;
- Dự án đường vành đai Bình Lợi – Tân Sơn Nhất ;
- Dự án tuyến Metro số 2 ;

Để tạo niềm tin cho chủ đầu tư, nâng cao thương hiệu, uy tín của LUTACO, trong năm nay, HĐQT sẽ chỉ đạo Ban Giám đốc tập trung nhân lực, vật tư, thiết bị để gấp rút thi công hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng các dự án trọng điểm như dự án đường cao tốc Cầu Giẽ – Ninh Bình gói thầu số 5, và dự án nâng cấp tỉnh lộ 280 Bắc Ninh theo như yêu cầu của chủ đầu tư.

Các dự án dự kiến sẽ tham dự thầu trong năm 2011:

- Dự án Đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng ;
- Dự án DT 285 Bắc Ninh;
- Dự án nâng cấp mở rộng quốc lộ 51;
- Dự án đường cao tốc Biên Hoà – Vũng Tàu;
- Tuyến Metro số 2;
- Các dự án nâng cấp và cải tạo GT Tp HCM giai đoạn 2010-2015.

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Lương Tài tiếp tục thực hiện theo chiến lược kinh doanh đã được hoạch định. Lĩnh vực xây dựng:

- Cũng cố và phát triển hơn nữa trong việc quảng bá thương hiệu xây lắp ở địa bàn miền Bắc và miền Trung bằng chất lượng – tiến độ bàn giao công trình với các Chủ đầu tư.
- Giữ vững và mở rộng thị phần xây lắp ở khu vực phía Nam.
- Tích cực tham gia vào thị trường xây lắp ở khu vực phía Bắc.
- Tham gia các gói thầu của các dự án xây dựng mạng lưới đường cao tốc Việt Nam.
- Mở rộng nghiên cứu các dự án hạ tầng tiềm năng tại Lào và Campuchia.

3.2 Đối với lĩnh vực đầu tư:

Tiếp tục với quan điểm xuyên suốt từ năm 2009, 2010 là không đầu tư dàn trải, chỉ tập trung vào các dự án trọng điểm có tính khả thi cao, mang lại lợi nhuận tối đa cho cổ đông và nâng cao hình ảnh, uy tín công ty. Hội đồng quản trị đề nghị chỉ đạo:

- Đẩy nhanh công tác hoàn thiện Cao ốc văn phòng LUTACO tower tại 173A Nguyễn Văn Trỗi, phân đầu đưa vào hoạt động đầu Quý II năm 2011.

- Hoàn tất các công tác đền bù giải tỏa, tiến hành khởi công xây dựng khu resort Lộc An Xanh vào quý IV-2011.

- Nhanh chóng hoàn tất các thủ tục đầu tư để có giấy phép đầu tư khu đô thị mới Kim Dinh. Tích cực tìm kiếm nguồn vốn và các đối tác chiến lược để tiến hành đầu tư xây dựng vào Quý IV-2012.

- Tích cực nghiên cứu, mở rộng tìm kiếm, tìm hiểu, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phát triển các dự án mới.

Về cơ cấu vốn:

Năm 2010 đã đăng ký và hoàn tất các thủ tục cho việc tăng vốn từ 55.5 tỷ lên 150 tỷ, dự kiến sẽ hoàn tất vào đầu quý 2/2011. Cũng trong năm 2010, công ty đã cân đối được nguồn vốn dài hạn phục vụ cho đầu tư tài sản cố định. Tiếp tục trong năm 2011, công ty sẽ thực hiện tốt việc giải ngân nguồn trung dài hạn trên để hoàn tất việc đầu tư các công trình thuộc tài sản dài hạn của công ty.

Ngoài ra, năm 2011 sẽ tiếp nhận nguồn vốn điều lệ tăng lên 150 tỷ để bổ sung cho các dự án đầu tư đang triển khai, phần còn lại sẽ bổ sung 1 phần vào vốn lưu động phục vụ nhu cầu SXKD sắp tới.

Có thể nói, với nguồn vốn tiếp nhận từ việc tăng vốn điều lệ tăng lên 150 tỷ và nguồn vốn vay từ hạn mức của ngân hàng sẽ đảm bảo cho nhu cầu vốn trong năm 2011.

Vấn đề quan trọng là sử dụng vốn có hiệu quả. Đảm bảo cơ cấu nợ so với vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sử dụng đòn bẩy tài chính một cách có hiệu quả trong việc sử dụng vốn.

Chỉ đạo sát sao việc thu hồi công nợ: Trong tình hình lãi suất tăng vọt, giá cả nguyên liệu đầu vào tăng liên tục, chỉ số lạm phát tăng cao, vấn đề thu hồi công nợ của các doanh nghiệp đều gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, do vậy trọng tâm thu hồi công nợ đã được đặt ra hàng đầu, hàng tháng trực tiếp Chủ tịch HĐQT làm việc với Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty để đôn đốc thu hồi công nợ, đề ra các biện pháp thưởng phạt thích hợp nhằm thu hồi các khoản nợ trong thời gian sớm nhất. Yêu cầu các công trình nhanh chóng hoàn tất các hồ sơ quyết toán khối lượng nhằm đẩy nhanh hơn nữa việc thu hồi công nợ từ các chủ đầu tư, các ban quản lý dự án.

3.3 Mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011:

Tiếp bước tình hình khả quan từ kết quả kinh doanh ấn tượng của năm 2010, Ban Tổng Giám đốc đã đề xuất Hội đồng quản trị kế hoạch cho năm, theo đó dự kiến năm 2011 công ty sẽ thực hiện với tổng doanh thu bằng 113% so với kết quả năm 2010, sẽ phân đầu thực hiện vượt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế 35% và lợi nhuận sau thuế vượt 35% so với thực hiện năm 2010, số liệu cụ thể như sau:

- Doanh thu 150 tỷ.
- Lợi nhuận sau thuế 13 tỷ.
- Cổ tức dự kiến 08%.
- Thu nhập bình quân 5 triệu đồng/người/tháng.

3.4 Kế hoạch chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục phát huy tối đa kinh nghiệm và nguồn lực hiện có để đẩy mạnh phát triển hai lĩnh vực: Đầu tư xây dựng các dự án bất động sản và Xây lắp công trình.

- Xác định lĩnh vực xây dựng giao thông là thị trường đầy tiềm năng, phân đầu đến năm 2015 công ty chiếm lĩnh thị phần thị trường xây dựng công trình giao thông. Phân đầu từ năm 2015 trở đi đủ sức cạnh tranh với các nhà thầu khác trong khu vực.

- Lĩnh vực xây dựng đầu tư Bất động sản và khu đô thị địa ốc sẽ chiếm khoảng 30 – 40% tổng doanh thu vào năm 2015. Tập trung đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu nghỉ dưỡng có kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại, nhà chung cư cao cấp, nhà biệt thự, dinh thự, văn phòng cho thuê nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng.

- Duy trì và phát huy đẩy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng của Công ty, tối đa hóa lợi ích của khách hàng, của các cổ đông để tạo giá trị gia tăng chung cho Công ty và xã hội.

- Mục tiêu tăng trưởng của Công ty về doanh thu và lợi nhuận trong các năm từ 2010 – 2015 phân đầu tăng bình quân là 20%.

4 Kết luận

Năm 2010 đã trôi qua với nhiều kết quả thực hiện được cũng như còn một số vấn đề còn tồn tại chưa giải quyết được. Theo kế hoạch, trong năm 2011, Công ty sẽ tập trung đẩy mạnh công tác phát triển dự án mới, kết hợp khai thác hiệu quả hơn nguồn lực hiện tại, đồng thời rà soát, lập kế hoạch triển khai các dự án, công trình đang thực hiện của các đơn vị. Công ty tăng cường chỉ đạo, điều hành, đảm bảo tiến độ, chất lượng từng dự án, công trình, tập trung đối với các dự án, các công trình trọng điểm trong kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của Trung ương và địa phương; các công trình, dự án lớn mang tính quyết định đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Thay mặt Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Lương Tài, tôi xin gửi lời biết ơn sâu sắc đến Quý cổ đông, các Nhà đầu tư, Quý cơ quan, ban ngành đoàn thể đã ủng hộ, tin nhiệm để LUTACO có được sự phát triển liên tục, bền vững trong suốt thời gian qua. Tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến sự đóng góp năng động và lao động sáng tạo của toàn thể cán bộ công nhân viên, các anh chị đã đồng hành, gắn bó cùng với sự thành công và phát triển của thương hiệu LUTACO, cảm ơn lãnh đạo các cấp, các ngành, địa phương trong cả nước đặc biệt là sự quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ sát sao của lãnh đạo Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 đã giúp đỡ để LUTACO gặt hái được những thành quả trong năm 2010.

Một năm mới đang bắt đầu với những áp lực đè nặng, một năm được dự báo có rất nhiều thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp niêm yết nói riêng, nhưng với định hướng chiến lược cùng nội lực mạnh mẽ, đặc biệt là sự tin nhiệm, ủng hộ của Quý cổ đông, nhà đầu tư, Quý khách hàng, chúng tôi hy vọng rằng sẽ hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2011, nâng thương hiệu LUTACO lên tầm cao mới, đảm bảo và gia tăng lợi ích lâu dài của Quý cổ đông.

Kính chúc toàn thể Quý vị hạnh phúc, thịnh vượng và thành đạt.

IV. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(Tổng giám đốc Phạm Thành Trung)

Trong năm 2010, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10/04/2010 thông qua, Ban Tổng giám đốc đã tiến hành triển khai thực hiện mục tiêu phương hướng hoạt động đã định. Mặc dù tình hình kinh tế trong năm chưa thật sự khởi sắc, nhưng cùng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBCNV, trong năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh của LUTACO đã đạt được những kết quả hết sức ấn tượng như sau:

1. Báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2010:

- Cơ cấu tài sản :

Tài sản dài hạn/tổng số tài sản : 39 %

Tài sản ngắn hạn/tổng số tài sản : 61%

- Cơ cấu nguồn vốn :

Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn : 65%
 Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn : 35%

- Khả năng sinh lời :

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản : 5%
 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần : 7%
 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu : 15%

- Khả năng thanh toán:

Khả năng thanh toán nhanh : 1,15 lần
 Khả năng thanh toán hiện hành : 0,40 lần

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:

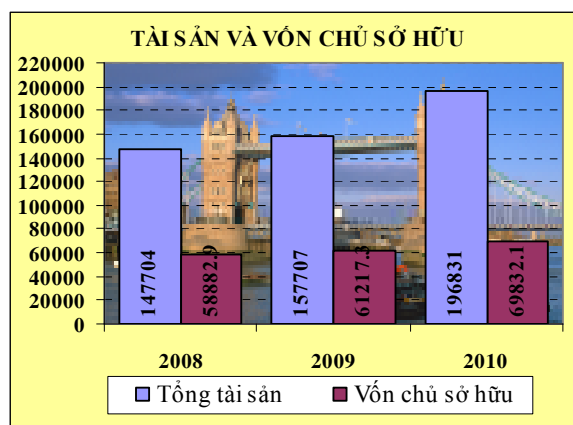
- Tổng tài sản : 196.8 tỷ đồng
 - * Tài sản ngắn hạn: 120.4 tỷ đồng
 - * Tài sản dài hạn: 76.4 tỷ đồng
 - * Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn: 65%
 - * Vốn chủ sở hữu/ Tổng vốn: 35%
- Tổng số trái phiếu thường lưu hành đến 31/12/2010: 0 trái phiếu;
- Tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành đến 31/12/2010: 5,460,000 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 40,000 cổ phiếu;
- Cổ tức tạm ứng: 16.5%, tương đương 1650 đồng/cổ phiếu.
- Thu nhập trên mỗi cổ phần : 1.753 đồng/cổ phiếu.

2. Những chỉ số cơ bản :

2.1. Tài sản và vốn chủ sở hữu

So sánh giá trị tài sản Công ty năm 2010 và 2009 sẽ thấy mức tăng là hơn 1.25 lần. Sự gia tăng tài sản của công ty trong năm 2010 so với 2009 chủ yếu là do sự gia tăng của giá trị tài sản dài hạn đang đầu tư, ngoài ra còn do sự tăng lên của khoảng phải thu ngắn hạn khi các công trình đang trong giai đoạn hoàn thành và nghiệm thu khối lượng, phù hợp với việc đơn vị đang tập trung nguồn lực nhằm thực hiện đúng tiến độ các công trình đang thi công.

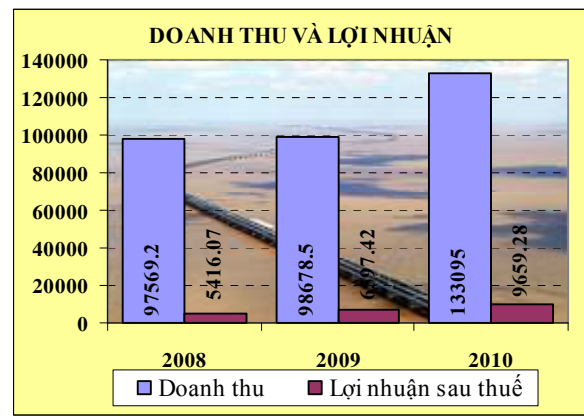
Vốn chủ luôn ổn định tương đối và có mức tăng không đáng kể qua các năm 2007, 2008, 2009. Tuy nhiên năm 2010 so với 2009 đã tăng hơn 1.15 lần, đây chính là giá trị lợi nhuận thu được từ kết quả kinh doanh ấn tượng năm 2010.



Chỉ tiêu	2008	2009	2010
Tổng tài sản	147.703.593.658	157.706.927.062	196.830.882.991
Vốn chủ sở hữu	58.882.929.910	61.217.304.002	69.832.119.113

2.2. Doanh thu và lợi nhuận

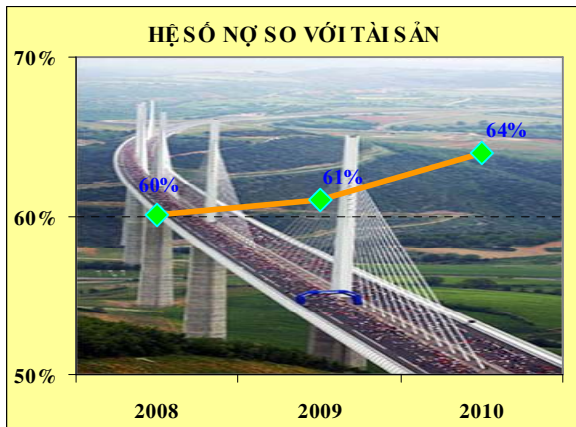
Năm 2010 đã đạt bước tăng đáng kể về sản lượng hoàn thành so với năm 2009. Doanh thu vượt 35% so năm trước và vượt 11% so kế hoạch. Lợi nhuận ròng năm 2010 tăng 46% so với năm 2009. Đây chính là thành quả của Ban lãnh đạo cùng tập thể CBNV công ty trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành tốt nhiệm vụ khối lượng, kiểm soát chi phí và tăng cao hiệu quả hoạt động công ty.



Chỉ tiêu	2008	2009	2010
Doanh thu	97.569.203.546	98.678.484.470	133.094.761.590
LN sau thuế	5.416.065.423	6.597.420.356	9.659.277.939

2.3. Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính

2.3.1. Hệ số nợ so với tài sản

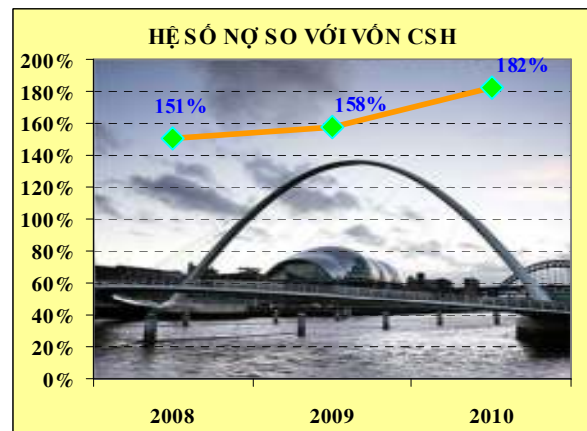


Năm 2010 chỉ số nợ/tài sản tăng từ 61% lên 64%, chủ yếu là do mức tăng từ việc giải ngân nguồn tài trợ vốn trung dài hạn để đẩy nhanh tiến độ đầu tư và thi công các công trình, dự án bất động sản của công ty. Mức tăng nợ ngắn hạn là không đáng kể, trong khi nợ dài hạn tăng từ 2 tỷ lên 22 tỷ (chủ yếu là vốn vay dài hạn thi công công trình Trạm bê tông nhựa nóng và tòa nhà LUTACO).

Chỉ tiêu	2008	2009	2010
HS nợ/Tổng Tài sản	60%	61%	64%

2.3.2. Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu

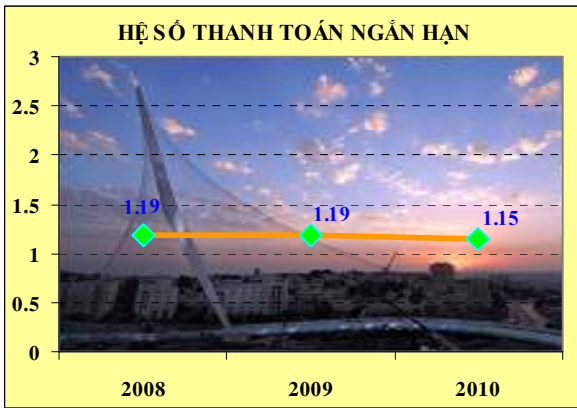
Năm 2010 hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu (Debt Equity Ratio) tăng 15% so với năm 2009, từ 158% lên 182%. Tuy nhiên công ty vẫn đảm bảo cơ cấu nợ ở mức hợp lý và điều chỉnh chính sách sử dụng vốn vay và vốn chủ từng giai đoạn một cách hợp lý nhất, giảm tối đa chi phí sử dụng vốn.



Chỉ tiêu	2008	2009	2010
HS nợ/Vốn chủ	151%	158%	182%

2.4. Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán

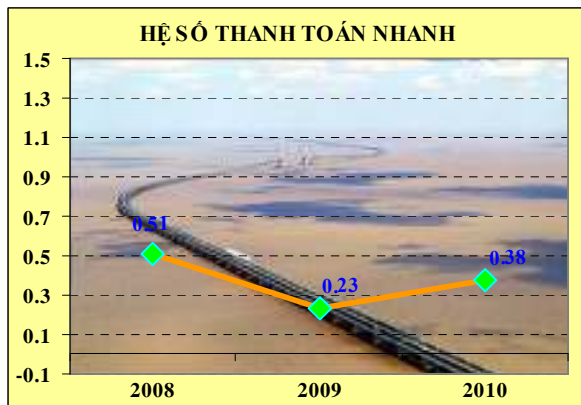
2.4.1. Hệ số thanh toán ngắn hạn



Hệ số thanh toán ngắn hạn (Current Ratio) của công ty qua các năm luôn ổn định ở mức từ 1–2, là tỉ lệ tương đối an toàn, điều này cho thấy Công ty cố gắng sử dụng tối đa và hiệu quả vốn lưu động nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản tín dụng ngắn hạn của doanh nghiệp, đây cũng là tỉ lệ mà các ngân hàng chấp nhận khi xét đến các khoản hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp.

Chỉ tiêu	2008	2009	2010
HSTT ngắn hạn	1.19	1.19	1.15

2.4.2. Hệ số thanh toán nhanh



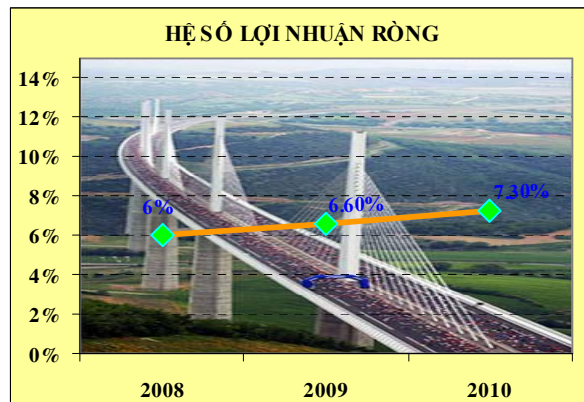
Năm 2010 hệ số thanh toán nhanh (Quick Ratio) tăng 1.65 lần, từ 0.23 lên 0.38, kết quả này là do tồn kho trong năm 2010 đã giảm gần 10% tương ứng với khối lượng hoàn thành các công trình tăng lên, và do đó phải thu cũng tăng lên tương ứng, làm hệ số thanh toán nhanh tăng 65% như đã nêu trên.

Chỉ tiêu	2008	2009	2010
HSTT nhanh	0.51	0.23	0.38

2.5. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời

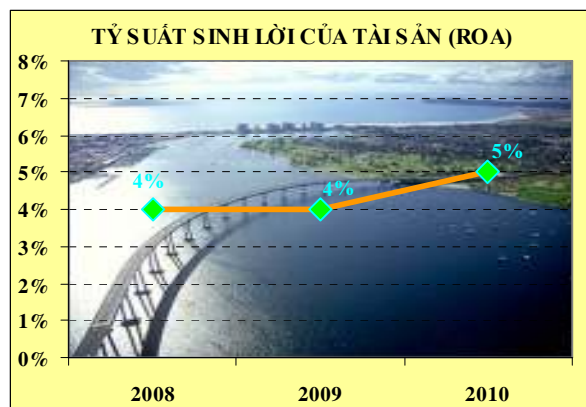
2.5.1 Hệ số lợi nhuận ròng

Hệ số lợi nhuận ròng năm 2010 là 7.3%, tăng so với năm 2009 là 6.6%. Điều này cho thấy thu nhập mang lại từ 1 đồng DT năm sau cao hơn năm trước. Hơn nữa, giá trị thuần của LN ròng cũng tăng hơn 46% (từ 6.6 tỷ năm 2009 tăng lên gần 10 tỷ năm 2010), đây là kết quả thật sự ấn tượng trong các năm qua.



Chỉ tiêu	2008	2009	2010
HS LN ròng/D.Thu	6%	6.6%	7.3%

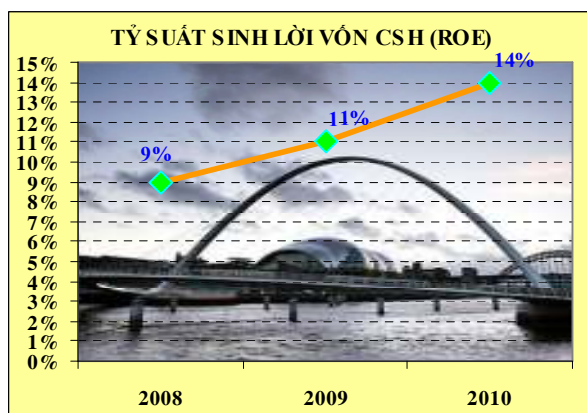
2.5.2 Tỷ suất sinh lời của tài sản – ROA



Tỷ suất sinh lời – ROA tăng 25% so với năm 2009. Cho thấy hiệu quả từ việc sử dụng tài sản để sinh lời đã tăng lên đáng kể trong năm qua, đây cũng là mong muốn của nhà đầu tư.

Chỉ tiêu	2008	2009	2010
ROA	4%	4%	5%

2.5.3 Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu



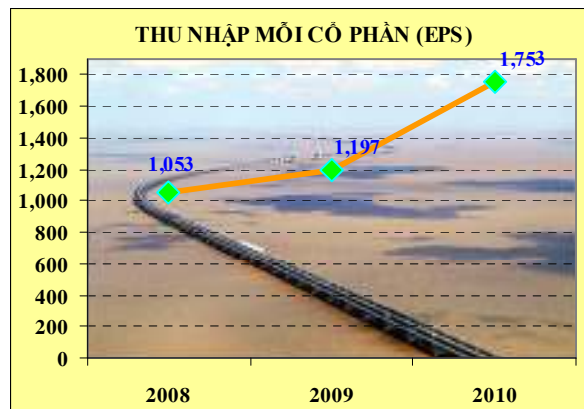
Công ty luôn cố gắng tăng hiệu quả sử dụng vốn cổ phần thể hiện qua việc duy trì ROE tăng hơn 25% mỗi năm (từ 9% năm 2008, lên 11% năm 2009, và 14% năm 2010). Và tương ứng với ROE càng cao thì khả năng cạnh tranh của công ty càng mạnh và cổ phiếu của công ty càng hấp dẫn, vì hệ số này cho thấy khả năng sinh lời và tỷ suất lợi nhuận của công ty, hơn nữa tăng mức doanh lợi vốn chủ sở hữu là một mục tiêu quan trọng nhất trong hoạt động quản lý tài chính của công ty. Điều đó chứng tỏ công ty đã sử dụng nguồn vốn tự có của mình ngày càng hiệu quả hơn.

Chỉ tiêu	2008	2009	2010
ROE	9%	11%	14%

2.6. Nhóm chỉ tiêu về chỉ số về cổ phiếu

2.6.1 Thu nhập trên mỗi cổ phần

Nếu như năm 2009 EPS Công ty tăng 15% so với năm 2008, thì năm 2010 EPS tăng hơn 46% so 2009, điều này cho thấy Công ty đã thật sự duy trì được hiệu quả hoạt động của mình, năm sau có tỉ lệ thu nhập trên cổ phần cao hơn năm trước, đáp ứng được kỳ vọng của nhà đầu tư hiện tại cũng như tương lai vì họ thấy được mức lợi nhuận trên mỗi cổ phần họ đang nắm giữ hàng năm đang tăng lên đáng kể.



<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2008</i>	<i>2009</i>	<i>2010</i>
<i>EPS</i>	<i>1.053</i>	<i>1.197</i>	<i>1.753</i>

3. Một số giải pháp chủ yếu để tổ chức thực hiện kế hoạch 2011

Dự kiến tình hình kinh tế thế giới năm 2011 sẽ chuyển từ giai đoạn phục hồi sau khủng hoảng sang giai đoạn tăng trưởng chậm nhưng bền vững hơn, tập trung vào các nước phát triển và đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Bên cạnh những lạc quan về kinh tế, nhiều thách thức cũng được đặt ra cho doanh nghiệp. Ý thức được điều đó, Ban lãnh đạo Công ty xác định năm 2011 sẽ tiếp tục duy trì đà phát triển nhanh về lượng cũng như về chất, tạo nền tảng vững chắc cho bước phát triển về lâu dài.

Tiếp tục nâng cao công tác quản trị và duy trì tốt hơn nữa hệ thống quy trình kiểm soát nội bộ.

Thực hiện xuyên suốt chính sách của LUTACO là đào tạo và phát triển lực lượng cán bộ cơ hữu hiện có kết hợp với thu hút lực lượng cán bộ quản lý nhiều kinh nghiệm từ các công ty, tập đoàn lớn trong và ngoài nước.

Kết quả qua các năm đã cho thấy tính đúng đắn và hiệu quả của chính sách này khi mà LUTACO đã và đang tiếp tục khai thác và phát huy được những thế mạnh cũng như giá trị truyền thống của mình trong lĩnh vực truyền thông là xây dựng cầu đường cũng như mở rộng sang lĩnh vực bất động sản trong thời gian qua và sắp tới.

3.1 Tập trung nguồn lực giữ vững và mở rộng kinh doanh

- Tăng cường năng lực thiết bị, công nghệ thi công, tích cực áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực để bảo đảm chất lượng, số lượng với trình độ học vấn, tay nghề, có năng lực quản lý, điều hành và ứng dụng công nghệ mới.

- Đầu tư một cách có hiệu quả vào lĩnh vực truyền thông là xây dựng cầu đường, cũng như các lĩnh vực khác là tài chính, bất động sản: đầu tư cao ốc VP, khu dân cư, khu nghỉ dưỡng cao cấp,...

- Hoàn thành các mục tiêu về tiến độ thi công các dự án đã trúng thầu và các dự án đầu tư.

- Tiếp tục triển khai một cách hiệu quả công tác tài chính, huy động vốn đầu tư dự án.

3.2 Những công tác cải tiến về chính sách, quản lý:

- Tiếp tục duy trì phương thức quản lý bằng cách phân định rõ trách nhiệm từng bộ phận, phòng ban, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

- Phân cấp, phân quyền cũng như giao trách nhiệm cao hơn nữa cho các trưởng bộ phận để nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong quản lý, tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm lao động và hiệu quả công việc của CBCNV.

- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong tất cả các khâu sản xuất, kinh doanh và thực hiện các biện pháp quản lý các hoạt động của Công ty;

- Luôn luôn duy trì việc xây dựng và củng cố lực lượng nhân sự, cơ chế hoạt động, quy trình, chính sách chuẩn chuyên nghiệp, v.v. sẵn sàng cho giai đoạn phát triển mới.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý và kiểm soát nội bộ theo đúng quy trình, quy chế công ty đã ban hành.

3.3. Phát huy văn hóa và thương hiệu doanh nghiệp:

- Tiếp tục đề cao tinh thần đoàn kết, đồng thuận, tính kỉ luật, chủ động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm cá nhân.

- Đưa các hoạt động của doanh nghiệp cũng như tác phong nhân viên ngày càng chuyên nghiệp hơn

- Hợp tác, liên doanh với các doanh nghiệp cùng ngành nghề, đặc biệt là các Doanh nghiệp nước ngoài để tiếp thu khoa học quản lí, công nghệ thi công, phong cách làm việc, tư duy mới trong quản trị, điều hành doanh nghiệp.

3.4 Công tác nhân sự và đào tạo:

Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên Công ty được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng chuyên môn cần thiết được thực hiện tại Công ty hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Công ty được lập từ đầu năm.

Tổng số CBCNV Công ty có 135 người, làm việc tại Văn phòng Công ty, các công trường; điều kiện làm việc được đảm bảo an toàn và ổn định; chế độ lương theo quy chế tiền lương của HĐQT Công ty phê chuẩn và Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, bảo hộ lao động ... theo quy định của pháp luật hiện hành.

- **Công tác tuyển dụng:** Với phương châm con người là yếu tố quyết định thành công của Công ty. Đầu tư con người là đầu tư cho sự phát triển bền vững.

+ Nâng cấp Quy trình tuyển dụng đảm bảo lựa chọn được những nhân tài có năng lực cao cho Công ty. Hằng năm, tùy thuộc vào yêu cầu phát triển, công ty luôn chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ từ tổng thể đến chi tiết.

+ Công ty chủ trương khuyến khích, hỗ trợ cán bộ nhân viên có nhu cầu, có năng lực đi học các lớp nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt kiến thức về quản trị kinh doanh, quản lý dự án tại các trường trong nước cũng như các khóa học ngắn hạn ở nước ngoài.

- **Chính sách nuôi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực:** Công ty cũng tập trung nhiều vào chính sách phúc lợi, điều chỉnh qui chế trả lương, thưởng theo hướng thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trên nguyên tắc công bằng, thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở, thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động trong Công ty. Thực hiện việc khen thưởng nhằm tôn vinh những cá nhân có nhiều công hiến, cam kết làm việc lâu dài và là những Cán bộ quản lý tiềm năng của Công ty, được chú trọng đào tạo phát triển để xem xét vào vị trí quản lý chủ chốt của Công ty.

- Tiếp tục nâng cao thu nhập cho người lao động tương xứng với hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thu nhập phải đảm bảo người lao động và gia đình họ yên tâm công tác vì sự nghiệp phát triển chung, thu hút được nhân tài, đánh giá công bằng, khuyến khích cá nhân có năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong công việc.

3.5 Công tác Tài chính kế toán:

- Tiếp tục duy trì các mối quan hệ tốt với các đối tác chiến lược, các Ngân hàng, Tập đoàn Tài chính, Quỹ đầu tư... để nhận nguồn vốn, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ đầu tư cho các dự án của Công ty.

- Xây dựng các biện pháp quản lý tốt và sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong quá trình đầu tư, thực hiện các dự án.

- Tham gia góp vốn một cách hiệu quả vào các công ty liên doanh – liên kết có hoạt động hỗ trợ cho các định hướng chính của LUTACO để tăng hiệu quả đầu tư và quay vòng vốn. Có các bước đi thích hợp để nâng cao hiệu quả công tác thu hút vốn đầu tư từ thị trường chứng khoán để nâng vốn điều lệ, mở rộng qui mô hoạt động kinh doanh.

3.6 Công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật: Chính quyền cùng với công đoàn đã phát động phong trào thi đua trong các bộ phận sản xuất và toàn Công ty. Qua các phong trào thi đua có sơ kết, tổng kết để động viên, khen thưởng kịp thời các đơn vị cá nhân xuất sắc. Ngoài ra công ty thường các

ngày lễ lớn 30/4, 1/5, 2/9 và dịp cuối năm (lương tháng 13; thưởng theo danh hiệu thi đua; thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch,...). Bên cạnh đó còn có các chế độ đãi ngộ khác như: nghỉ mát, du lịch, khám chữa bệnh...

3.7 Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng an toàn lao động:

- Ban hành và giám sát thường xuyên việc thực hiện nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác an toàn lao động tại các công trường. Công ty đã thành lập Hội đồng bảo hộ lao động để tổ chức thực hiện hệ thống bảo hộ lao động.
- Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước về lập, thẩm định và trình duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các hạng mục công trình, chất lượng công trình luôn được đảm bảo. Công tác an toàn vệ sinh lao động được đảm bảo, tổ chức tập huấn và cấp chứng chỉ ATLĐ cho người lao động. Cấp phát kịp thời các trang bị bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất, thành lập đoàn kiểm tra và thường xuyên kiểm tra tại công trình.

4 Kết luận

Năm 2010, mặc dù kinh tế thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, kinh tế VN đạt được những kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên vẫn còn đó nhiều hạn chế và thách thức cần phải vượt qua cho giai đoạn 2011 sắp tới.

Trong năm 2011, Chính phủ đã và đang thực hiện nhiều chính sách vĩ mô để kiềm chế lạm phát, hạn chế tăng trưởng tín dụng, kiểm soát chặt chẽ mặt bằng lãi suất và tỉ giá, áp dụng các biện pháp nhằm giảm chi tiêu công, quản lý giá cả tất cả các mặt hàng đang ngày càng tăng cao. Song song với việc thực hiện gói hỗ trợ cho các DN vừa và nhỏ trong năm 2011, điều này đã phần nào giúp DN từng bước vượt qua các ‘cơn sóng’ lãi suất và ‘cơn bão’ giá cả đang diễn ra trong quý 1/2011.

Chúng tôi tin tưởng rằng với tầm nhìn chiến lược và chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, năng lực quản lý, điều hành vững vàng của Ban Tổng Giám đốc, tính chuyên nghiệp của Ban Kiểm soát và sự quyết tâm, tinh thần trách nhiệm của toàn thể cán bộ, nhân viên và người lao động đang làm việc tại LUTACO, sự đóng góp ý kiến của quý cổ đông trong suốt quá trình thực hiện kế hoạch để tiếp sức cho chúng tôi đưa Công ty chúng ta ngày càng phát triển các mục tiêu kế hoạch năm 2011 sẽ được hoàn thành và vượt mức kế hoạch.

Thay mặt Ban lãnh đạo công ty, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của các cổ đông đã đặt niềm tin vào LUTACO, cảm ơn sự hỗ trợ kịp thời và hiệu quả của Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 cùng các cơ quan hữu quan. Cảm ơn sự nỗ lực hết mình của đội ngũ cán bộ và người lao động của LUTACO về sự nỗ lực liên tục, hết mình đã đóng góp công sức và trí tuệ vào sự phát triển của LUTACO. Chúng tôi xin cam kết sẽ phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2011.

V. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Huỳnh Thị Thanh Phương – Trưởng ban kiểm soát)

- Căn cứ vào điều lệ Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Lương Tài về quyền hạn và trách nhiệm của ban kiểm soát.
- Căn cứ vào báo cáo quyết toán tài chính năm 2010 do Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Lương Tài lập đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam kiểm toán. Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Lương Tài như sau :

I. Tình hình hoạt động của công ty:

Tình hình tài chính năm 2010 của công ty đã được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong báo cáo tài chính và đã được kiểm toán bởi công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía

Nam kiểm toán. Cụ thể trong năm Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã triển khai và hoàn thành vượt mức kế hoạch như sau:

- Doanh thu năm 2010 là 133.094.761.590 đồng đạt 110.9% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế là 9.659.277.939 đồng tuy chỉ đạt 96.6% so với kế hoạch đề ra nhưng vượt mức lợi nhuận năm 2009 là 46% do trong năm chi phí nguyên nhiên liệu đầu vào gia tăng.

II. Nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát:

1. Nhận xét

- Trong năm 2010 ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của công ty. Các hoạt động của công ty trong năm 2010 đều tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ của công ty và nằm trong phạm vi ngành nghề đã đăng ký kinh doanh.
- Năm 2010 công ty đã tổ chức thành công đại hội cổ đông bất thường để thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu, sửa đổi điều lệ công ty.
- Trong lĩnh vực đầu tư công ty được cấp giấy chứng nhận đầu tư cho khu du lịch nghỉ dưỡng Lộc An xanh đã mở ra một hướng kinh doanh, phát triển mới cho công ty cho những năm sau này. Bên cạnh đó, công trình cao ốc văn phòng đang trong giai đoạn hoàn thiện để đưa vào sử dụng.
- Về lĩnh vực xây dựng, công ty đã trúng thầu và triển khai thi công dự án đường vành đai Bình Lợi – Tân Sơn Nhất, gói thầu số 2 công trình Hà Nội – Lào Cai, đầu tư mới dây chuyền trạm trộn bê tông nhựa nóng, xe rải nhựa và các thiết bị chuyên dùng cho công trình Cầu Giẽ - Ninh Bình đã rút ngắn thời gian thi công và tiết kiệm chi phí hoạt động

2. Kiến nghị

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ chế xây dựng hệ thống kiểm tra nội bộ chặt chẽ để giảm giá thành đảm bảo hoạt động hiệu quả trong khi chi phí đầu vào ngày càng tăng cao.
- Củng cố, hoàn thiện và đào tạo bộ máy nhân sự có chuyên môn, trình độ cao để đáp ứng với đà phát triển công ty.

III. Phương hướng hoạt động năm 2011 của Ban kiểm soát

Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại điều lệ công ty và luật pháp nhà nước, năm 2011 Ban kiểm soát sẽ tiến hành:

- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ theo điều lệ hoặc đột xuất nếu cần thiết.
- Theo dõi các quy trình, quy chế kiểm soát nội bộ của các phòng ban trong công ty.
- Xem xét các báo cáo tài chính quý và năm của công ty.
- Xem xét việc thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông về việc phát hành thêm cổ phiếu và phân chia cổ tức.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2010

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Thông tin pháp lý

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302879813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 07 năm 2008 (đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2003).

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng công trình dân dụng-công nghiệp-giao thông-thủy lợi-thủy điện-cấp thoát nước. San lấp mặt bằng. Kinh doanh, xây dựng hạ tầng khu công nghiệp. Trang trí nội ngoại thất. Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng, đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đườn g). Thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ). Quản lý dự án đầu tư. Tư vấn đầu thầu. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở). Cho thuê máy móc thiết bị thi công. Đại lý kinh doanh xăng dầu.

Trụ sở của công ty đặt tại: 76 (Lô đất 55 Khu 1A-1B) Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 55.500.000.000 đồng (năm mươi lăm tỷ năm trăm triệu đồng).

Kết quả hoạt động

- Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 là 9.659.277.939VND (Năm 2009 lợi nhuận sau thuế là 6.597.420.356 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Bùi Đình Hưng	Chủ tịch
Ông Bùi Đình Hải	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thứ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng	Thành viên
Ông Bùi Phi Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Như Trục	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Phạm Thành Trung	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Như Trục	Phó Tổng Giám đốc

Ông Bùi Đình Hải
Ông Nguyễn Duy An

Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Huỳnh Thị Thanh Phương Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Bích Quyên Thành viên
Ông Đỗ Khắc Công Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được Ban Tổng Giám đốc chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Công bố trách nhiệm của ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán phù hợp được tuân thủ;
- Không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích trong các báo cáo tài chính này;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Chương 6 – Công bố thông tin, Nghị định 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

TP. HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2011

TM. Hội đồng quản trị

TP. HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2011

TM. Ban Tổng Giám Đốc

Số..... BCKT/TC

Ngày tháng năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài**

Kính gửi : Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài được lập ngày 01 tháng 03 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên :

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn
Chứng chỉ KTV số 0479/KTV

Lê Kim Ngọc
Chứng chỉ KTV số 0181/KTV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh V.	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		120,379,011,294	112,307,938,394
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,587,853,187	5,193,368,289
1. Tiền	111	1	2,587,853,187	5,193,368,289
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27,809,873,971	9,112,670,357
1. Phải thu khách hàng	131	2	22,096,767,852	5,461,657,702
2. Trả trước cho người bán	132	3	3,948,887,623	1,617,502,024
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	4	1,764,218,496	2,033,510,631
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	
IV. Hàng tồn kho	140		80,770,364,140	90,525,676,110
1. Hàng tồn kho	141	5	81,240,036,977	90,995,348,947
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	6	(469,672,837)	(469,672,837)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,210,919,996	7,476,223,638
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	996,711,892	127,193,241
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	8	3,633,220,345	1,771,595,610
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	9	719,863,255	719,863,255
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	3,861,124,504	4,857,571,532
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		76,451,871,697	45,398,988,668
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

II. Tài sản cố định	220	11	73,292,014,533	42,403,988,668
1. TCSĐ hữu hình	221		16,228,289,114	14,278,206,660
- Nguyên giá	222		33,529,999,684	27,988,748,532
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17,301,710,570)	(13,710,541,872)

2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227		24,187,088,000	24,188,088,000
- Nguyên giá	228		24,212,088,000	24,212,088,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(25,000,000)	(24,000,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	32,876,637,419	3,937,694,008
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2,825,000,000	2,825,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	2,825,000,000	2,825,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		334,857,164	170,000,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	334,857,164	170,000,000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		<u>196,830,882,991</u>	<u>157,706,927,062</u>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh V.	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		126,998,763,878	97,057,936,678
I. Nợ ngắn hạn	310		105,405,945,477	95,078,989,427
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	22,607,096,712	26,364,542,000
2. Phải trả người bán	312	16	34,650,900,785	21,024,466,725
3. Người mua trả tiền trước	313	17	10,784,022,078	37,009,628,318
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	2,172,771,429	598,766,508
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	19	54,550,000	54,550,000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	34,345,443,882	9,458,722,258

10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	21	791,160,591	568,313,618
II. Nợ dài hạn	330		21,592,818,401	1,978,947,251
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	22	73,347,251	73,347,251
4. Vay và nợ dài hạn	334	23	21,511,971,150	1,905,600,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	24	7,500,000	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		69,832,119,113	60,648,990,384
I. Vốn chủ sở hữu	410		69,832,119,113	60,648,990,384
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	25	55,500,000,000	55,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	26	(568,522,890)	(568,522,890)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	27	1,953,238,015	1,293,495,980
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	28	696,453,965	366,582,948
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	29	12,250,950,023	4,057,434,346
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		<u>196,830,882,991</u>	<u>157,706,927,062</u>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh V.	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại	1.2		
- USD		622.72	501.26
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh V.	Năm 2010	Năm 2009
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	133,094,761,590	98,678,484,470
2. Các khoản giảm trừ	03			
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		133,094,761,590	98,678,484,470
4. Giá vốn hàng bán	11	31	113,267,429,463	86,181,023,829
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19,827,332,127	12,497,460,641
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	92,551,097	2,855,550,465
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	33	3,614,581,431	4,487,798,440
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,614,581,431	2,198,426,833
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	34	3,426,264,541	3,250,465,144
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		12,879,037,252	7,614,747,522
11. Thu nhập khác	31			505,792,051
12. Chi phí khác	32			123,666,413
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			382,125,638
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12,879,037,252	7,996,873,160
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	3,219,759,313	1,399,452,804
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60		9,659,277,939	6,597,420,356
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1,753	1,197

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính:
VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
1	2	3	4
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1. Tiền thu từ bán hàng , CCDV và DT khác	01	106,465,698,156	109,422,291,275
2. Tiền chi trả cho người CC hàng hóa , DV	02	(115,290,217,977)	(123,759,216,333)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1,430,349,786)	(1,007,162,714)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3,785,563,892)	(2,198,426,833)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1,645,754,392)	(2,903,426,034)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	88,620,233,483	15,308,377,924
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(86,210,850,398)	(18,580,427,773)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	(13,276,804,806)	(23,717,990,488)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(177,636,158)	(76,855,465)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		142,150,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		582,000,339
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(177,636,158)	647,294,874
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu , nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu , mua lại cổ phiếu của các DN đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn , dài hạn nhận được	33	39,719,067,862	38,197,510,000

4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(28,870,142,000)	(31,821,472,435)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức , lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,026,439,200)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10,848,925,862	2,349,598,365
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2,605,515,102)	(20,721,097,249)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,193,368,289	25,914,465,538
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>2,587,853,187</u>	<u>5,193,368,289</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302879813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 07 năm 2008 (đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2003)

Trụ sở của công ty đặt tại: 76 (Lô đất 55 Khu 1A-1B) Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 55.500.000.000 đồng (năm mươi lăm tỷ năm trăm triệu đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh:

3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình dân dụng-công nghiệp-giao thông-thủy lợi-thủy điện-cấp thoát nước. San lấp mặt bằng. Kinh doanh, xây dựng hạ tầng khu công nghiệp. Trang trí nội ngoại thất. Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng, đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đường). Thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ). Quản lý dự án đầu tư. Tư vấn đấu thầu. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở). Cho thuê máy móc thiết bị thi công. Đại lý kinh doanh xăng dầu.

4. Tổng số nhân viên : 187 người.

Trong đó: - Nhân viên văn phòng: 37 người.

- Công nhân công trình: 150 người.

5. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm

Không có ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm

II. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài là Chứng từ ghi sổ.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển):

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Ngoại thương.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

2.2. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Trong năm, Công ty đã lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

3.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo quyết định số 203/2009/QĐ/BTC ngày 20/10/2009.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay: Theo chuẩn mực Kế toán chi phí đi vay.
- Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ.
- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác: không phát sinh.

8. Kế toán các hoạt động liên doanh

Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh dưới hình thức:

- Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài góp vốn vào Công ty Cổ Phần Địa Ốc Lương Tài là 2.625.000.000 đồng, và góp vốn vào Công ty Cổ Phần Hoa Lư là 100.000.000 đồng.

9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định Doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn

thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. Trong những trường hợp cụ thể, doanh thu còn được ghi nhận theo tỷ lệ phần trăm hợp đồng đã được hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối Kế toán được Chủ đầu tư xác nhận.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

13. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bằng ngoại tệ, công ty phải đánh giá lại số dư cuối năm của các loại ngoại tệ, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được xử lý như sau:

- Trường hợp chênh lệch tăng được hạch toán vào thu nhập tài chính trong năm.
- Trường hợp chênh lệch giảm được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bằng ngoại tệ, công ty phải đánh giá lại số dư cuối năm của các loại ngoại tệ, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được xử lý như sau:

- Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì có thể phân bổ 1 phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

- Trường hợp chênh lệch giảm được hạch toán vào thu nhập tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2010 Ngoại tệ	31/12/2010 VND	01/01/10 VND
<u>1. Tiền</u>	<u>USD 622.72</u>	<u>2,587,853,187</u>	<u>5,193,368,289</u>
<u>1.1. Tiền mặt tại quỹ (TK 111)</u>		<u>161,680,000</u>	
Tiền VND		161,680,000	
<u>1.2. Tiền gửi ngân hàng (TK 112)</u>	<u>USD 622.72</u>	<u>2,426,173,187</u>	
Tiền VND		<u>2,416,148,690</u>	
Trong đó:			
- NH TMCP Quốc Tế - VIBank		1,459,109,804	
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (Chi nhánh Hà Nam)		501,692,483	
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (Chi nhánh Nam Sài Gòn) - TK 12176		402,934,749	
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (Chi nhánh Nam Sài Gòn) - TK 12404		50,243,157	
Tiền USD	<u>USD 622.72</u>	<u>10,024,497</u>	
- Ngân hàng Ngoại Thương TP.HCM	USD 488.60	7,466,642	
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (Chi nhánh Nam Sài Gòn)	USD 134.12	2,557,855	
<u>Các khoản phải thu ngắn hạn</u>			
<u>2. Phải thu khách hàng (TK 131)</u>		<u>22,096,767,852</u>	<u>5,461,657,702</u>
- Ban quản lý dự án XDGT Bắc Ninh		1,669,136,541	
- China State Construction Engineering Corporation		553,222,700	553,222,700
- Công ty XDCT giao thông 501		69,500	
- Công ty CP XD & Địa Ốc Lương Tài		131,696,668	
- Tổng công ty XDCT giao thông 6		17,059,708,482	
- Công ty TNHH DV-VT-TM & KT XDCT Huy Hoàng		1,931,922,416	190,755,730
- Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên		500,000,000	
- Công ty VIC		237,731,547	237,731,547
- Công ty CP Đầu Tư Việt Kim		9,279,998	9,279,998
- Công ty XDCT giao thông Việt Lào		4,000,000	4,000,000
<u>3. Trả trước cho người bán (TK 331)</u>		<u>3,948,887,623</u>	<u>1,617,502,024</u>
Trong đó:			

- Công ty CK ngân hàng Đông	390,000,000	
- Công ty TNHH KT XD Nam Phan	100,000,000	
- Công ty CP SX TM Tân Phong	707,484,513	
- Công ty CP Thiên Thanh	1,150,299,314	
- Cty CP Kỹ Thuật Thăng Long	240,903,800	240,903,800
- Công ty TNHH SX Tấn Phong	112,272,013	
- Công ty TNHH Kỹ Nghệ Toàn Tâm	356,850,000	
- Cty CP SX Ván Sàn Hoàng Phúc	129,570,000	129,570,000
- Cty CP Xây Dựng Trường An	112,500,000	112,500,000

4. Các khoản phải thu khác

1,764,218,496

2,033,510,631

Các khoản phải thu khác (TK 1388)

1,764,218,496

Trong đó:

Ban dự án tuyển tránh Vĩnh Điện	136,155,750	136,155,750
Tổng công ty XDCT giao thông 6	174,185,881	174,185,881
Đỗ Khắc Công	150,000,000	150,000,000
Huyền Thị Thanh Phương	300,000,000	300,000,000
Lê Xuân Anh	200,000,000	200,000,000
Nguyễn Nam Khánh	200,000,000	200,000,000
Nguyễn Viết Toàn	200,000,000	200,000,000

5. Hàng tồn kho

81,240,036,977

57,462,069,995

- Nguyên liệu, vật liệu (TK 152)	<u>1,418,852,364</u>	<u>1,934,131,447</u>
- Chi phí sản xuất dở dang (TK 154)	<u>79,821,184,613</u>	<u>89,061,217,500</u>
+ Công an Cần Thơ	2,525,819,586	2,525,707,557
+ Công trình Cầu Giẽ Ninh Bình	48,007,901,512	62,563,779,040
+ Công trình Cầu Lâu	568,716,589	568,716,589
+ Cơ sở hạ tầng công an TP Cần Thơ	137,630,845	137,630,845
+ Đường D965 (Quốc lộ 51 Cảng Cái Mép)	15,878,790,507	15,932,292,819
+ Đóng cừ Larsen - CT Hàng bàng	735,951,062	735,951,062
+ Biệt thự Hoa Đào	5,803,581,777	2,658,818,098
+ Công trình gói thầu số 2 Hương lộ 2	668,685,545	668,685,545
+ Hà Nội Lào Cai	427,443,801	155,251,612
+ Không theo công trình	48,568,482	
+ Kênh Nhiêu Lộc Thị Nghè	1,450,869,626	1,450,869,626
+ Khu du lịch nghỉ dưỡng CC Lộc An Xanh	703,451,898	458,810,273
+ Củ Chi Lô số 1A	149,694,355	149,694,355

+ Củ Chi Lô số 2	20,338,280	
+ Củ Chi Lô số 3 & 4	446,220,455	(*) 446,220,455
+ Long Thành	495,252,845	
+ Công trình Mỹ Tú - Sóc Trăng	23,452,382	(*) 23,452,382
+ Khu dân cư Nam Quốc Lộ 51, BR-VT	369,333,425	159,737,700
+ TL 280 Lương Tài, Bắc Ninh	208,834	
+ Bình Lợi - Tân Sơn Nhất	1,008,223,265	
+ Cho thuê xe - Cty Địa ốc Lương Tài	18,062,600	123,812,600
+ Cho thuê xe - Cty Huy Hoàng	12,480,000	
+ Cho thuê xe - Cty Tuấn Thành	22,840,000	4,120,000
+ Công trình Vĩnh Điện	297,666,942	297,666,942

(*) Các công trình dở dang hiện không thực hiện tiếp và đã được lập dự phòng.

<u>6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (TK 159)</u>	<u>(469,672,837)</u>	<u>(469,672,837)</u>
+ Củ Chi bãi rác số 3&4	(446,220,455)	<u>(446,220,455)</u>
+ Công trình Mỹ Tú - Sóc Trăng	(23,452,382)	<u>(23,452,382)</u>

Tài sản ngắn hạn khác

<u>7. Chi phí trả trước ngắn hạn (TK 1421)</u>	<u>996,711,892</u>	<u>127,193,241</u>
<u>Chi phí trả trước công cụ dụng cụ của các công trình</u>	<u>996,711,892</u>	
- Cầu Giẽ - Ninh Bình	37,482,666	
- Bình Lợi - Tân Sơn Nhất	155,554,373	
- Long Thành - Dầu Giây	119,808,752	
- 173A Nguyễn Văn Trỗi	683,866,101	

<u>8. Thuế GTGT được khấu trừ (TK 133)</u>	<u>3,633,220,345</u>	<u>1,771,595,610</u>
---	-----------------------------	-----------------------------

* **Ghi chú:** Các số liệu về thuế kiểm toán tạm tính theo số liệu của đơn vị, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

<u>9. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước (TK 3338)</u>	<u>719,863,255</u>	<u>719,863,255</u>
--	---------------------------	---------------------------

<u>10. Tài sản ngắn hạn khác</u>	<u>3,861,124,504</u>	<u>4,857,571,532</u>
<u>Tam ứng (TK 141)</u>	<u>1,475,818,079</u>	<u>2,472,265,107</u>
- Quỹ công trình Cầu Giẽ Ninh Bình	1,456,724,907	2,374,420,464
- Quỹ công trình Cái Mép - đường D965	19,093,172	97,844,643
<u>Thế chấp, ký cược, ký quỹ (TK 144)</u>	<u>2,385,306,425</u>	<u>2,385,306,425</u>
- Bưu điện huyện Tân Thành	3,000,000	3,000,000
- Công ty điện lực Thành Phố	53,909,645	53,909,645

- Tổng công ty XDCT giao thông 6	1,978,396,780	1,978,396,780
- Ngân hàng TMCP Việt Á	350,000,000	350,000,000

11. Tài sản cố định

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH					Cộng	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH		Cộng
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác		Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	
I. Nguyên giá TSCĐ									
1. Số dư đầu kỳ		23,115,664,766	3,497,280,290	1,295,812,567	79,990,909	27,988,748,532	24,187,088,000	25,000,000	24,212,088,000
2. Số tăng trong kỳ	54,908,634	5,363,306,360	28,178,090	123,036,158		5,569,429,242			5,569,429,242
- Mua sắm mới	54,908,634	5,363,306,360		123,036,158		5,541,251,152			5,541,251,152
- Tăng do chuyển đổi			28,178,090			28,178,090			28,178,090
3. Số giảm trong kỳ	-			28,178,090		28,178,090			28,178,090
- Do chuyển đổi				28,178,090		28,178,090			28,178,090
4. Số dư cuối kỳ	54,908,634	28,478,971,126	3,525,458,380	1,390,670,635	79,990,909	33,529,999,684	24,187,088,000	25,000,000	24,212,088,000
II. Giá trị hao mòn									
1. Số dư đầu kỳ		11,780,307,462	1,037,597,825	812,645,676	79,990,909	13,710,541,872		24,000,000	24,000,000
2. Số KH trích trong kỳ	4,204,540	2,929,980,418	427,154,388	229,829,352		3,591,168,698	-	1,000,000	1,000,000
3. Số giảm trong kỳ									
- Thanh lý TSCĐ									
4. Số dư cuối kỳ	4,204,540	14,710,287,880	1,464,752,213	1,042,475,028	79,990,909	17,301,710,570		25,000,000	25,000,000
III. Giá trị còn lại									
1. Số dư đầu kỳ		11,335,357,304	2,459,682,465	483,166,891		14,278,206,660	24,187,088,000	1,000,000	24,188,088,000
2. Số dư cuối kỳ	50,704,094	13,768,683,246	2,060,706,167	348,195,607		16,228,289,114	24,187,088,000		24,187,088,000

Giá trị quyền sử dụng đất hiện đơn vị đang thi công văn phòng công ty 173 Nguyễn Văn Trỗi .

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2010 <u>Ngoại tệ</u>	31/12/2010 <u>VND</u>	01/01/10 <u>VND</u>
<u>12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (TK 241)</u>		<u>32,876,637,419</u>	<u>3,937,694,008</u>
- Mua sắm TSCĐ		13,379,284,730	
+ <i>Mua trạm trộn bê tông công trình Cầu Giẽ</i>			
- Xây dựng cơ bản dở dang		19,478,640,871	3,937,694,008
<i>Trong đó:</i>			
+ Văn phòng công ty 173 Nguyễn Văn Trỗi		18,115,323,025	
+ Khu du lịch nghỉ dưỡng CC Lộc An Xanh		103,362,598	
- Sửa chữa lớn TSCĐ		18,711,818	
<u>13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (TK 222)</u>		<u>2,825,000,000</u>	<u>2,825,000,000</u>
- Công ty CP XD & Địa Ốc Lương Tài		2,625,000,000	2,625,000,000
- Công ty Mỹ Hưng Tây Nguyên - Công trình Thủy điện Đại Nga		100,000,000	100,000,000
- Công ty CP Hoa Lư		100,000,000	100,000,000
<u>14. Chi phí trả trước dài hạn (TK 242)</u>		<u>334,857,164</u>	<u>170,000,000</u>
- Chi phí mua lợi thế thương mại		85,000,000	170,000,000
- Chi phí bảo hiểm, chi phí chờ phân bổ khác...		249,857,164	
<u>Nợ ngắn hạn</u>			
<u>15. Vay ngắn hạn (TK 311)</u>		<u>22,607,096,712</u>	<u>26,364,542,000</u>
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (Sở giao dịch II)		17,607,096,712	26,364,542,000
- Tổng công ty XDCT giao thông 6		5,000,000,000	
<u>16. Phải trả cho người bán (TK 331)</u>		<u>34,650,900,785</u>	<u>21,024,466,725</u>
<i>Trong đó:</i>			
Chi nhánh nhựa đường Sài Gòn		5,310,390,800	
Cty CP XD & Địa Ốc Lương Tài		7,088,254,571	
Tổng công ty XDCT giao thông 6		7,937,906,222	
Cty CP DV-VT-TM & KTXDCT Huy Hoàng		1,416,485,995	
Công ty XD CT số 2		1,945,887,124	
<u>17. Người mua trả tiền trước (TK 131)</u>		<u>10,784,022,078</u>	<u>37,009,628,318</u>
<i>Trong đó:</i>			
- Ban quản lý ĐH dự án gói thầu 2		1,553,628,000	
- CT GS E&C Corp - Thầu TK & XD DA		5,510,081,901	
- Vũ Thị Thứ		2,304,546,100	3,022,900,000

<u>18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (TK 333)</u>	<u>2,172,771,429</u>	<u>598,766,508</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334)	2,172,771,429	598,766,508
* Ghi chú: Các số liệu về thuế kiểm toán tạm tính theo số liệu của đơn vị, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.		
<u>19. Chi phí phải trả (TK 335)</u>	<u>54,550,000</u>	<u>54,550,000</u>
- Chi phí đánh giá tác động môi trường hợp đồng 186/HĐKT	54,550,000	54,550,000
<u>20. Các khoản phải trả, phải nộp khác</u>	<u>34,345,443,882</u>	<u>9,458,722,258</u>
- Kinh phí công đoàn (TK 3382)	<u>57,443,882</u>	<u>30,722,258</u>
- Phải trả, phải nộp khác (TK 3388)	<u>34,288,000,000</u>	<u>9,428,000,000</u>
+ Bùi Đình Hưng	31,708,000,000	6,848,000,000
+ Bùi Đình Hải	2,580,000,000	2,580,000,000
<u>21. Quỹ khen thưởng phúc lợi</u>	<u>791,160,591</u>	<u>568,313,618</u>
- Quỹ khen thưởng (TK 3531)	492,997,113	
- Quỹ phúc lợi (TK 3532)	298,163,478	
<u>Nợ dài hạn</u>		
<u>22. Phải trả dài hạn khác</u>	<u>73,347,251</u>	<u>73,347,251</u>
<u>Nhận lý quỹ , ký cược dài hạn (TK 344)</u>	<u>73,347,251</u>	<u>73,347,251</u>
- Công ty CP DV Bảo Vệ - TV - TK - XD - KD Địa	73,347,251	73,347,251
<u>23. Vay và nợ dài hạn (TK 341)</u>	<u>21,511,971,150</u>	<u>1,905,600,000</u>
- Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam (Chi nhánh Nam Sài Gòn)	6,095,781,607	
- Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam (Sở giao dịch II)	15,416,189,543	1,905,600,000
<u>24. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm (TK 351)</u>	<u>7,500,000</u>	

Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
A	25		26	29	27	28
Số dư đầu năm trước	55,500,000,000	-	(568,522,890)	2,937,150,527	616,487,802	94,578,275
Tăng vốn trong năm 2009						
Lãi trong năm 2009				6,597,420,356		
Trích quỹ đầu tư phát triển				(677,008,178)	677,008,178	
Trích quỹ dự phòng tài chính				(338,504,089)		338,504,089
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				(338,504,090)		
Thuế thu nhập cá nhân				(12,691,327)		
Tăng khác				248,206,466		
Giảm khác				(4,358,635,319)		(66,499,416)
Số dư cuối năm trước	55,500,000,000	-	(568,522,890)	4,057,434,346	1,293,495,980	366,582,948
Tăng vốn trong kỳ						
Lãi trong kỳ				9,659,277,939		
Trích quỹ đầu tư phát triển				(659,742,035)	659,742,035	

Trích quỹ dự phòng tài chính				(329,871,017)		329,871,017
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				(329,871,017)		
Thuế thu nhập cá nhân						
Tăng khác						
Giảm khác				(146,278,193)		
Số dư tại 31/12/2010	55,500,000,000	-	(568,522,890)	12,250,950,023	1,953,238,015	696,453,965

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở

hữu

	Số lượng cổ phiếu	31/12/10	Tỷ lệ
- Vốn đầu tư của nhà nước	330,000	3,300,000,000	5.95%
- Vốn góp của các đối tượng khác	5,180,000	51,800,000,000	93.33%
- Cổ phiếu ngân quỹ	40,000	400,000,000	0.72%
Cộng	5,550,000	55,500,000,000	100%

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<u>30. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511)</u>	<u>133,094,761,590</u>	<u>98,678,484,470</u>
Doanh thu xây dựng công trình (TK 5112)	132,001,403,892	
Doanh thu cung cấp dịch vụ (TK 5113)	1,093,357,698	
<u>31. Giá vốn hàng bán (TK 632)</u>	<u>113,267,429,463</u>	<u>86,181,023,829</u>
Giá vốn thương mại (TK 6321)	376,156,620	
Giá vốn bán các thành phẩm (TK 6322)	112,891,272,843	
<u>32. Doanh thu hoạt động tài chính (TK 515)</u>	<u>92,551,097</u>	<u>2,855,550,465</u>
- Lãi ngân hàng	92,551,097	
<u>33. Chi phí hoạt động tài chính (TK 635)</u>	<u>3,614,581,431</u>	<u>4,487,798,440</u>
- Chi phí lãi vay	3,614,581,431	
<u>34. Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642)</u>	<u>3,426,264,541</u>	<u>3,250,465,144</u>
- Chi phí nhân viên quản lý (TK 6421)	857,318,252	
- Chi phí vật liệu quản lý (TK 6422)	143,840,802	
- Chi phí đồ dùng văn phòng (TK 6423)	46,360,809	
- Chi phí khấu hao TSCĐ (TK 6424)	527,944,890	
- Thuế, phí và lệ phí (TK 6425)	30,862,383	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (TK 6427)	543,349,694	
- Chi phí bằng tiền khác (TK 6428)	1,276,587,711	
<u>35. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế x 25%</u>	<u>3,219,759,313</u>	<u>1,399,452,804</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12,879,037,252	
<u>36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu = / (5.550.000-40.000)</u>	<u>1,753</u>	<u>1,197</u>
- Lợi nhuận sau thuế TNDN = 9.659.277.939đ		
- Số cổ phiếu đang lưu hành (5.550.000 - 40.000)		

VI. Những thông tin khác.

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán AASCS.

Thông tin về cổ đông chính và Ban quản trị, Ban kiểm soát công ty

Thông tin về cổ đông sáng lập

STT	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CP NĂM GIỮ	LOẠI CP	CHỨC VỤ HIỆN TẠI TRONG CTY LƯƠNG TÀI
1	Bùi Đình Hưng	34 Hoa Đào, phường 2, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	1,355,000	2	Chủ tịch HĐQT
2	Bùi Đình Hải	482/10/28Y Nơ Trang Long, P. 13, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM	942,000	2	Phó Tổng giám đốc
3	Vũ Thị Thứ	34 Hoa Đào, phường 2, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	645,500	2	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Thị Hồng	34 Hoa Đào, phường 2, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	250,000	2	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Như Trúc	9/14 Đường 37, P.Thảo Điền, Quận 2 Tp. Hồ Chí Minh	150,000	2	Phó Tổng giám đốc
6	Tổng Công ty XDCT GT 6 (Cienco6)	127 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM	330,000	2	Thành viên HĐQT

Thông tin về cổ đông nước ngoài, cổ đông là tổ chức nhà nước

STT	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CP NĂM GIỮ	LOẠI CP	CHỨC VỤ HIỆN TẠI TRONG CTY LƯƠNG TÀI
1	Tổng Công ty XDCT GT 6 (Cienco6)	127 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM	330,000	2	Thành viên HĐQT
2	Nguyễn Quốc Tuấn	26 Elmsford Crt Keysborough Vic 3173, Australia	200	1	
3	Sato Mitsuo	4-3-11-404 Roppongi, Minato-ku, Tokyo, Japan	100	1	
4	TANI KAZUNORI	OSAKAFU SETTSUSHI SHOUJAKU HONMACHI 2-12-27	500	1	
5	WANG PAO MEI	4F.-1,No.178,Sec.2,DongdaRd., NorthDistrict, HsinchuCity30054, TW(R.O.C.)	400	1	
6	Wataru Miyazawa	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	100	1	
7	YANAGITA RYO	73-1 TORIGAOKA TOTSUKAKU YOKOHAMA CITY	1,000	1	
8	Yamazaki Atsushi	165 Ongi, Yotsukaido-shi, Chiba-ken, Japan	100	1	
9	YUTAKA NODA	993-5 Koyurugi Samukawamachi Kozagun Kanagawaken Japan	300	1	

Thông tin về HĐQT

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ TRONG HĐQT	SỐ LƯỢNG CP NĂM GIỮ	CHỨC VỤ HIỆN TẠI TRONG CTY LƯƠNG TÀI
1	Bùi Đình Hưng	Chủ tịch HĐQT	1,355,000	Chủ tịch HĐQT
2	Bùi Đình Hải	Thành viên HĐQT	942,000	Phó Tổng giám đốc
3	Vũ Thị Thứ	Thành viên HĐQT	645,500	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Thị Hồng	Thành viên HĐQT	250,000	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Như Trục	Thành viên HĐQT	150,000	Phó Tổng giám đốc
6	Bành Trường Giang	Thành viên HĐQT	330,000	Thành viên HĐQT

Thông tin về Ban quản trị (Tổng Giám đốc, Phó tổng GD, Kế TT)

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ TRONG CTY	SỐ LƯỢNG CP NĂM GIỮ	CHỨC VỤ HIỆN TẠI TRONG HĐQT
1	Phạm Thành Trung	Tổng giám đốc	0.0	
2	Bùi Đình Hải	Phó Tổng giám đốc	942,000	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Như Trục	Phó Tổng giám đốc	150,000	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Duy An	Kế toán trưởng	0.0	

Ban kiểm soát

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ TRONG BAN KIỂM SOÁT	SỐ LƯỢNG CP NĂM GIỮ	CHỨC VỤ HIỆN TẠI TRONG CTY LƯƠNG TÀI
1	Huỳnh Thị Thanh Phương	Trưởng ban kiểm soát	30,000	Kiểm soát nội bộ
2	Đỗ Khắc Công	Thành viên ban kiểm soát	15,000	TP. Vật tư - Thiết bị
3	Nguyễn Thị Bích Quyên	Thành viên ban kiểm soát	2,500	TP. Tổ chức hành chính